

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 135/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 12 – 2023
V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Sơn.

Ông Trần Thanh Liêm.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Thành Thật là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 99/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện Ng, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện Ng, tỉnh C

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2023 bà Trần Thị B trình bày: Bà và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ng, tỉnh C vào năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không còn có tiếng nói chung, ông T không bệnh vực, bảo vệ bà khi có chuyện xảy ra. Nay xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

Về nuôi con chung: Bà và ông Nguyễn Ngọc T có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 05/01/2014. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bà B có mặt vẫn bảo lưu quan điểm.

- Ông Nguyễn Ngọc T có mặt không đồng ý ly hôn với bà B, ông xác định vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông và bà B có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 05/01/2014. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, nếu bà B không trực tiếp nuôi con thì giao lại cho ông. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị B khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Ng, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Ngọc T được tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Ng, tỉnh C vào ngày 14/6/2013, do đó hôn nhân giữa bà B và ông T là hợp pháp. Bà B trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, ông T không bênh vực, bảo vệ bà khi xảy ra chuyện, nay xét thấy không còn tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T xác định vợ chồng cũng có chuyện hiểu lầm, nay muốn được đoàn tụ gia đình nên ông không đồng ý ly hôn. Nhận thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà B và ông T là thực tế có xảy ra. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử bà B và ông T vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau. Tại phiên toà hôm nay, bà B cương quyết xin ly hôn với ông T. Xét thấy, hôn nhân của bà B và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị B đối với ông Nguyễn Ngọc T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà B và ông T có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 05/01/2014. Sau khi ly hôn, bà B yêu cầu được nuôi con, không yêu

cầu cấp dưỡng, ông T có ý kiến tùy theo nguyện vọng của con. Theo đơn nguyện vọng ngày 14/12/2023, cháu Ngọc Có có nguyện vọng được sống cùng bà B. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt và không làm xáo trộn cuộc sống cũng như theo nguyện vọng của cháu Có nên cần giao Nguyễn Ngọc C cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[4] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị B phải nộp 300.000 đồng. Bà B đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0020586 ngày 03 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị B, bà Trần Thị B được ly hôn với Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 05/01/2014 cho bà Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu đặt ra xem xét.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà B.

Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà bà Trần Thị B phải nộp 300.000 đồng. Bà B đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0020586 ngày 03 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Dung